TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG** --- *Bản án số: 112/2024/HNGĐ-ST* *Ngày: 05/11/2024* *V/v:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Nguyễn Thành Thái

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Kiều Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 266/2024/TB- TA ngày 21 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chị L có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Lê Thanh X,** sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Anh X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 04/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:***

Chị và chồng chị là anh Lê Thanh X chung sống với nhau từ năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào

ngày 09/10/2023 nhưng vợ chồng chị không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong thời gian chung sống, những năm đầu hạnh phúc, nhưng thời gian sau thường xảy ra mâu thuẫn và bất đồng trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường hay cự cãi bất hòa và không hạnh phúc. Bên cạnh đó anh X khó khăn hà khắc với vợ con, quản lý chi tiêu khắc khe và hay ghen tuông vô cớ. Chị đã cố gắng dàn xếp nhưng không thành nên từ đó vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cược sống chung không còn hạnh phúc.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh X;

- Về con chung: Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Chí V, sinh ngày 05/02/2014 và Nguyễn Thị Bích D, sinh ngày 13/12/2016, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Đối với bị đơn anh Lê Thanh X*:** Đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng anh X vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Thanh X và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*, bị đơn anh Lê Thanh X có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, tại phiên tòa chị L đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 2013 chị Nguyễn Thị L và anh Lê Thanh X chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó đến năm 2023 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh chị đã ly thân với nhau cho đến nay.

Xét thấy trong quá trình chung sống chị L và anh X có điều kiện để thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng anh, chị không thực hiện nên đã vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*...".

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết không công nhận chị L và anh X là vợ chồng là phù hợp.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh X có 02 người con chung là Lê Chí V, sinh ngày 05/02/2014 và Nguyễn Thị Bích D, sinh ngày 13/12/2016. Chị L yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy cháu V và cháu D đang sống cùng chị L từ khi anh chị ly thân đến nay, đồng thời hai cháu đều có nguyện vọng được chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 cháu V và D cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của các cháu là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị L về quyền, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng chị L xác định không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc này cũng đã được thông báo cho anh Lê Thanh X trong Thông báo thụ lý vụ án, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến gì phản bác hay có yêu cầu gì khác, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Thanh X.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Chí V, sinh ngày 05/02/2014 và cháu Nguyễn Thị Bích D sinh ngày 13/12/2016 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là

300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005663 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Huỳnh Ánh Tuyết